

2019

PHỤ LỤC SỐ 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI Năm 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0101337659
- Vốn điều lệ:	62.909.000.000 đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	62.909.000.000 đ
- Địa chỉ:	170 La Thành, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại:	0243.5130669/ 5134588
- Số fax:	0243.8511280
- Website:	www.hanoipharma.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):	DHN

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):

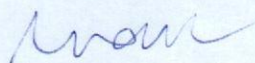
- Ngày thành lập: 01/01/2003 theo QĐ 8103/QĐ-UBND chuyển doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Dược phẩm Hà Nội thành Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội
- Đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán **DHN** tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 22/3/2018. Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số: 16/2018/GCNCP-VSD ngày 22/03/2018
- Đăng ký giao dịch cổ phiếu **DHN** tại thị trường UPCOM trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Quyết định số 179/QĐ-SGDHN ngày 12/4/2018
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: **62.909.000.000 đồng**
- Ngày giao dịch đầu tiên: Thứ năm, ngày 19/04/2018
- Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: **10.500 đồng/cổ phiếu**

- Các sự kiện khác

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

- Sản xuất kinh doanh thuốc y tế phòng, chữa bệnh cho người, nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm trang thiết bị y tế.



- Cho thuê văn phòng làm việc và kho chứa hàng hóa, nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm.
- Sản xuất kinh doanh dược phẩm chức năng.

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- Trụ sở giao dịch : 170 La Thành, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
- Nhà máy : Lô 15 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Đại hội đồng cổ đông- Hội đồng quản trị- Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: SXKD thuốc y tế phòng chữa bệnh cho người

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: nhà máy Dược đạt GMP-WHO

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Tuân thủ theo đúng các qui định về môi trường, tham gia các hoạt động xã hội và cộng đồng trong khu công nghiệp Quang Minh

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường): Không

II. Tình hình hoạt động trong năm 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: (Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề

TT	Danh mục	ĐVT	Năm 2019		Tỷ lệ % (TH/KH)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu thuần	VNĐ	65.435.560.680	69.280.096.880	106%
	Trong đó: sản xuất	VNĐ	62.345.560.680	65.794.651.511	106%
2	Tổng lợi nhuận thuần	VNĐ	8.276.829.200	8.686.888.888	105%
3	Cổ tức	%	10%/ năm	10%/ năm	100%
4	Lương BQ/lđ/tháng	VNĐ	7.500.000	7.800.000	104%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Man

Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần
Bà Phạm Thị Tuân	Tổng Giám Đốc	2%
Ông Đinh Quang Hào	Phó Tổng Giám Đốc	2%
Bà Nguyễn Thị Nhung	Kế toán trưởng	5%
Bà Nguyễn Phú Bình	Giám đốc nhà máy	0%
Bà Nguyễn Lan Hương	Giám đốc quản lý chất lượng	0.01%

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

- Bổ nhiệm Bà Nguyễn Phú Bình: từ Phó Giám đốc nhà máy lên Giám đốc nhà máy
- Bổ nhiệm Bà Nguyễn Lan Hương: từ Trưởng phòng Kiểm tra chất lượng lên Giám đốc quản lý chất lượng kiêm trưởng phòng Kiểm tra chất lượng.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Tính đến 31/12/2019: có 80 cán bộ công nhân viên
- Chính sách về hợp đồng lao động và đóng BHXH cho người lao động theo đúng qui định của Luật doanh nghiệp và Luật Bảo hiểm

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết): không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	100,198,865,212	107,088,646,686	107%
Doanh thu thuần	71,897,626,116	69,280,096,880	96%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8,525,555,888	8,686,888,888	102%
Lợi nhuận khác	- 77,570,313	42,197,748	-54%
Lợi nhuận trước thuế	8,447,985,575	8,729,086,636	103%
Lợi nhuận sau thuế	7,478,672,245	7,889,457,508	105%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Không

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,50	2,18	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,55	1,27	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,26	0,33	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,36	0,49	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,92	1,53	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,72	0,65	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,10	0,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,10	0,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,07	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,33	0,29	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/

- Tổng số cổ phần: **6.290.900 Cổ phần**
- Loại cổ phần đang lưu hành: **Cổ phiếu phổ thông**
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **6.290.900 Cổ phần**
- Số lượng Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **0 Cổ phần**

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Tiêu chí	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn (>5%)	Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Đầu Tư Việt Hà	2.516.360	40%
	Dương Thúy Hằng	620.621	9.87%
	Nguyễn Thị Nhung	314.545	5%
Cổ đông tổ chức	Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Đầu Tư Việt Hà		

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Không có

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác

Trần

(bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.: 40.725.437.041 VNĐ
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: $30.300\text{kw}/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 363.600\text{kw}$ điện/năm
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: $1.350 \text{ m}^3/\text{tháng} \times 12 = 16.200 \text{ m}^3/\text{năm}$, nước sạch do Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 VNĐ

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
- Số lượng lao động trung bình: 90 người
 - Lương trung bình: 7.800.000 VNĐ / người/ tháng
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
- Trong năm có tổ chức khám bệnh định kỳ tất cả công nhân viên.
 - Mua bảo hiểm con người cho toàn bộ công nhân
 - Mua và phát bảo hộ cho người lao động đúng chế độ qui định
 - Công đoàn phối hợp chính quyền tổ chức đưa cán bộ nhân viên đi nghỉ mát dịp hè
- c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Công nhân trực tiếp sản xuất đào tạo 48 giờ/năm/người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty thuê chuyên gia hướng dẫn, cập nhật, bổ sung kiến thức về thực hành tốt SX thuốc, bảo quản thuốc và Kiểm nghiệm thuốc kịp thời cho người lao động

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

Muan

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có): Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 Công ty hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Cục Quản lý Dược đã cấp cho Công ty:
 - Giấy chứng nhận thực hành tốt SX thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GMP) số 237/GCN-QLD ngày 16/4/2019
 - Giấy chứng nhận Đáp ứng thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP) số 311/GCN-QLD ngày 10/05/2019
- Bộ Y Tế đã cấp cho Công ty:
 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược, đối với hoạt động Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc số 261/ĐKKĐ-BYT ngày 13/6/2019
 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện Kinh doanh Dược đối với hoạt động Sản xuất Thuốc số 291/ĐKKĐ-BYT ngày 5/8/2019

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

- Đầu tư mua sắm mới Tài sản cố định năm 2019 là: 1.631.600.000 VNĐ theo yêu cầu của Cục Quản lý Dược về bổ sung máy móc nhà máy GMP-WHO
- Công ty không phát sinh nợ xấu và tài sản xấu

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Không có nợ

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách

nhiệm môi trường và xã hội.

- Hoạt động theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:** Hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, Luật Bảo hiểm, Điều lệ công ty

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:** Trở thành công ty niêm yết và nhà máy đạt chuẩn GMP-WHO

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác

Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần	Ghi chú
Ông Phạm Kim Sơn	Chủ tịch	15%	Là đại diện CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà 17/07/2019: Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT 04/09/2019: Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT
Bà Phạm Thị Tuấn	Chủ tịch	2%	Bổ nhiệm ngày 17/07/2019
Bà Phạm Thị Tuấn	Thành viên	2%	Miễn nhiệm ngày 17/07/2019
Ông Đinh Quang Hào	Thành viên	2%	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	15% 35%	Là đại diện CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà Trước ngày 04/09/2019 Từ ngày 04/09/2019
Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên	5%	Kế toán trưởng
Thành viên độc lập			Không có

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban): Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

TT	Số	Ngày	Nội dung
1	53/NQ HĐQT	13/02/2019	- Thông qua gửi thông báo đến VSD chốt danh sách trả cổ tức 6 tháng cuối năm 2018. Tỷ lệ thực hiện: 5%/ mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng)
2	54/NQ HĐQT	25/02/2019	- Thông qua Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2018 - Chương trình Đại hội cổ đông thường niên 2019 - Thông qua mua mới TSCĐ Phòng Kiểm tra chất lượng
3	55/NQ HĐQT	29/03/2019	- Thông qua chương trình họp ĐHCĐ thường niên 2019
4	56/NQ HĐQT	09/05/2019	- Thông qua chương trình họp ĐHCĐ thường niên 2019 lần 2
5	57/ BB HĐQT	12/06/2019	- Bổ sung nội dung chương trình họp ĐHCĐ thường niên 2019 lần 2
6	58/ NQ HĐQT	17/07/2019	- Miễn nhiệm chức Chủ tịch HĐQT của Ông Phạm Kim Sơn - Bầu Bà Phạm Thị Tuấn giữ chức Chủ tịch HĐQT
7	59/ NQ HĐQT	12/08/2019	- Thống nhất chương trình, nội dung ĐHCĐ thường niên 2019 lần 2 - Thông qua tạm ứng cổ tức 8% năm 2019 và bổ sung 1% năm 2018

Man

8	60/ BB HĐQT	30/08/2019	- Bổ sung nội dung chương trình họp ĐHCĐ thường niên 2019 lần 2
9	61/ BB HĐQT	03/09/2019	- Bổ sung nội dung chương trình họp ĐHCĐ thường niên 2019 lần 2
10	62/ NQ HĐQT	10/10/2019	- Phê duyệt KHTC 2020 - Phê duyệt đơn vị kiểm toán BCTC 31/12/2019 - Giao Ban điều hành tiếp tục triển khai Nghị quyết ĐHCĐ 26/04/2017 về 1.003 m ² đất.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp): Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: *Không có*

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần	Ghi chú
Ông Hoàng Tuấn Tú	Trưởng Ban Kiểm soát	5%	Là đại diện CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà Miễn nhiệm ngày 04/09/2019
Bà Nguyễn Lan Hương	Thành viên	0.01%	Giám đốc Quản lý chất lượng nhà máy
Bà Nguyễn Kim Cúc	Thành viên	5%	Là đại diện CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

TT	Số	Ngày	Nội dung
1	08/BKS-CT	02/02/2019	- Xem xét KQ HDSXKD 6 tháng cuối năm và cả năm 2018 - Đánh giá tính tuân thủ pháp luật, điều lệ hoạt động của công ty - Rà soát hiệu quả sản xuất, năng suất, giá thành các sản phẩm chính - Kiểm soát trích lập tiền lương và tình hình sử dụng quỹ lương - Kiểm soát quản lý kho, khoản trích trước, lập dự phòng, trích Khấu hao - Kiểm soát chất lượng hàng hóa, Chi phí liên quan thâm định
2	09/BKS-CT	29/10/2019	- Xem xét KQ HDSXKD đến 30/6/2019 - Đánh giá tính tuân thủ pháp luật, điều lệ hoạt động của công ty - Kiểm tra chứng từ kế toán - Kiểm soát chất lượng hàng hóa sản phẩm

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ)

Man

